**Trường THCS Ea Tul ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**Họ tên*: …………………………* *Năm học: 2017– 2018***

**Lớp:8A*…*  MÔN: HÓA HỌC LỚP** **8**

*Thời gian: 45 phút (Không tính thời gian giao đề****)***

|  |  |
| --- | --- |
| ĐIỂM | LỜI PHÊ CỦA THÀY, CÔ |

**I/PHẦN TRẮC NGHIỆM***:( 3điểm)*

* ***Hãy khoanh tròn những câu trả lời đúng nhất***

**Câu 1: Oxit** là hợp chât của hai nguyên tố trong đó có

a. Một nguyên tố la Nitơ. b. Một nguyên tố là oxi. c. Nguyên tố là Natri. d. Một nguyên tố khác

**Câu 2:** Chất nào sau đây có thể dùng để **điều chế hiđro** với dung dịch **HC**l?

a. H2O. b. O2. c. KCl d. Zn

**Câu 3:** Trong các chất sau chất nào được dùng để **điều chế oxi** trong **phòng thí nghiệm**?

a. Không khí b. KMnO4 c. Nước d. KOH

**Câu 4:** Phản ứng phân hủy là phản ứng từ một chất **sinh ra** ?

a. Hai hay nhiều chất mới b. Từ một chất mới trở lên c. Chỉ một chất mớid. Chỉ có ba chất mới

**Câu 5**: Phản ứng giữa kim loại **sất** với dịch **axit clohidđric** có phương trình hóa học:

Fe + 2HCl→FeCl2 + H2 **thuộc loại phản ứng nào?**

a. Phản ứng phân hủy. b. Phản ứng hóa hợp. c. Phản ứng Thế. d. Phản ứng oxi hóa khử..

**Câu 6:**  Công thức tính **nồng độ phần trăm** của dung dịch là

a. C%= .100% b. CM = c. mdd =mdm + m d. m = n .M

**II/ PHẦN TỰ LUẬN:** *(7điểm)*

**Câu 1: *(*** *1,5điểm****)* -**Hoàn thành các phương trình phản ứng sau:

a. K2O + H2O - - -> ...... b. Al + HCl - - -> ........ + H2 c. Na + O2 - - -> ........

**Câu 2:** *(2,5 điểm****):*-**Cho các công thứchóa học sau:Na2O;CaCO3;N2O5;Fe(OH)3;H2CO3.Hãy phânloại : **Oxit axit, oxit bazơ, axit, bazơ, muối** và gọi tên của các hợp chât đó.

**Câu 3**: *(2điểm****)*-**Dùng 16,25 gam kẽm phản ứng vừa đủ với dung dịch axit clohidric nồng độ 0,5M.

a. Tính thể tích dung dịch axit clohidric đã phản ứng?

b. Tính thể tích khí sinh ra (đktc)?

**Câu 5:** *(1điểm)*Đốt cháy hoàn toàn 7,2 g kim loại R có hóa trị II thu được 12 g oxit. Xác định tên nguyên tố R trên.

(Cho biết: Cl=35,5; H= 1; Zn = 65 )

**HƯỚNG DẪN PHƯƠNG ÁN CHẤM ĐIỂM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**Năm học: 2017-2018**

**Môn: Hóa học lớp 8**

**I/PHẦN TRẮC NGHIỆM***:( 4điểm)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1b | 2d | 3b | 4a | 5c | 6a |

**II/ PHẦN TỰ LUẬN:** *(6điểm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu | Nội dung | Điểm |
| 1 | -Mỗi câu làm đầy đủ ( 0,5 điểm)  a. K2O + 2H2O  2KOH  b. 4Al + 6HCL 6AlCl3 + H2  c. 2Zn + O2  2ZnO | 0,5  0,5  0,5 |
| 2 | -Oxit bazơ: Na2O Natri oxit  - Muối: CaCO3  Caxicacbonat  -Oxit axit: N2O5  Đinitơpentaoxxit  -Bazơ: Fe(OH)3 Sắt(III) hiddroxit  -Axit: H2CO3.Axitcacbonic | 0,5  0,5  0,5  0,5  0,5 |
| Câu 3 | - PTHH: Zn + 2HCl  ZnCl2  + H2↑  1mol 2mol 1mol 1mol  0,25mol 0,5mol 0,25mol  a, **V**HCl =1 lít  b, **VH2  =nH2 .**  22,4l = 0,25 . 22,4 = 5,6 lít | 0,5  0,5  0,5  0,5 |
| 4 | Gọi M là nguyên tử khối của R ta có  2R + O2  2RO  2 M 2(M +16)  7,2g 12g  7,2 . 2(M +16) = 2 M . 12  Vậy R là Mg | 0,5  0,5 |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD & ĐT CHÂU THÀNH  Trường THCS Thái Bình | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập –Tự do –Hạnh phúc |

**ĐỀ THI HỌC KÌ II NĂM HỌC 2017 – 2018**

MÔN: HÓA HỌC 8

Thời gian: 45***phút*** *(không kể thời gian phát đề)*

Câu 1: (1,5 điểm): Oxit là gì? Trong các hợp chất sau, đâu là oxit : Ca(NO3)2, K2O, Ca(OH)2, CO2, H2SO4, Cr(OH)3.

Câu 2: (2 điểm): Hoàn thành các phản ứng hóa học sau và cho biết loại phản ứng của phương trình.

1. KClO3 ………..…… + ……………
2. Zn + H2SO4 →…………. + ………
3. Ca + O2  …………..
4. K2O + H2O →………….

Câu 3: (1,5 điểm): Thế nào là dung dịch? Hòa tan 150 gam đường vào 300 gam nước thu được dung dịch có khối lượng bằng bao nhiêu?

Câu 4: (1 điểm): Viết công thức hóa học của các hợp chất có tên sau: Nhôm oxit, Magie hiđroxit, Sắt (II) cacbonat, Axit photphoric.

Câu 5: (2 điểm): Trên trái đất có đến 97% là nước muối, chỉ có 3% là nước ngọt nhưng gần hơn 2/3 lượng nước này tồn tại ở dạng sông băng và các mũ băng ở các cực. Phần còn lại là dạng nước ngầm và chỉ một tỷ lệ nhỏ tồn tại trên mặt đất và trong không khí. Thiếu nước đang là một vấn đề lớn cho thế giới hiện nay. Vấn đề ngày càng trở nên cấp bách hơn khi con người lại làm ô nhiễm các nguồn nước sẵn có.

Em hãy cho biết vai trò của nước trong đời sống và sản xuất? Làm thế nào để bảo vệ nguồn nước tránh ô nhiễm?

Câu 6: (2 điểm): Hòa tan 13,5 gam nhôm (Al) trong dung dịch axit clohiđric (HCl) thu được nhôm Clorua (AlCl3) và giải phóng khí hiđro (H2)

1. Tính thể tích khí hiđro tạo thành ở điều kiện tiêu chuẩn.
2. Dẫn toàn bộ khí sinh ra đi qua bình đựng 64,8 gam sắt (II) oxit (FeO). Tính khối lượng kim loại sắt sinh ra sau phản ứng.

(Biết Al = 27 ; H = 1 ; O = 16 ; Fe = 56 ; Cl = 35.5)

**ĐÁP ÁN ĐỀ THI MÔN HÓA HỌC 8 HK II**

**NĂM HỌC 2017 - 2018**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu | Đáp án | Biểu điểm |
| Câu 1  (1,5đ) | **Oxit** là hợp chất của hai nguyên tố trong đó có một nguyên tố là oxi.  Oxit : K2O, CO2 | 1đ  0,5đ |
| Câu 2  (2đ) | a. 2KClO3  2KCl + 3O2  => Phản ứng phân hủy  b. Zn + H2SO4 →ZnSO4 + H2  => Phản ứng thế  c. 2Ca + O2  2CaO  => Phản ứng hóa hợp  d. K2O + H2O → 2KOH  => Phản ứng hóa hợp | 0,5đ  0,5đ  0,5đ  0,5đ |
| Câu 3 (1,5đ) | Dung dịch là hỗn hợp đồng nhất của dung môi và chất tan  Khối lượng dung dịch thu được khi hòa tan 150 gam đường vào 300 gam nước là: mdd = mct  + mdm = 150+ 300 = 450 (g) | 1đ  0,5đ |
| Câu 4 (1đ) | Nhôm oxit: Al2O3  Magie hiđroxit: Mg(OH)2  Sắt (II) cacbonat : FeCO3  Axit phot phoric: H3PO4 | 0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ |
| Câu 5 (2đ) | \* Vai trò của nước trong đời sống và sản xuất:  Nước hòa tan nhiều chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể sống, tham gia vào nhiều quá trình hóa học quan trọng trong cơ thể người, động vật. Nước rất cần thiết cho sinh hoạt hàng ngày, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải,..  \* Để bảo vệ nguồn nước tránh ô nhiễm, mọi người cần phải:  - Có ý thức bảo vệ môi trường: không xả rác, vứt rác bừa bãi ra ao hồ, kênh, rạch, sông suối…  - Xử lí nước thải trước khi đưa ra môi trường. | 1đ    1đ |
| Câu 6  (2đ) | a. PTHH: 2Al + 6HCl 2AlCl3 + 3H2(1)  2mol 6mol 2mol 3mol  0,5mol 0,75mol  Số mol nhôm có trong 13,5 g.    Số mol khí hiđro.    Thể tích khí hiđro thu được (đktc)     1. Phương trình hóa học :   (2)  Số mol FeO có trong 64,8 gam    Theo PTHH: FeO dư. Số mol của sắt tính theo số mol khí hiđro  Số mol sắt thu được    Khối lượng sắt thu được | 0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ |

**TRƯỜNG THCS HÒA HỘI**

**KỲ KIỂM TRA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2017– 2018**

**Môn kiểm tra: HÓA HỌC Lớp: 8**

**Thời gian:** 45 phút (*Không tính thời gian giao đề)*

*(Học sinh không phải chép đề vào giấy kiểm tra)*

**CAÂU 1:** (1đđ)

Nêu tính chất vật lý, ứng dụng của Oxi?

**CAÂU 2 :** (1đđ )

Các em phải làm gì để bảo vệ nguồn nước tránh ô nhiễm?

**CÂU 3:** 2đ

Haõy phaân loaïi caùc hôïp chaát sau: SO2, NaOH, H2SO4, K2CO3 ?

**CÂU 4:** (2đ)

Theá naøo laø dung dòch ? cho ví duï ?( xaùc ñònh dung moâi vaø chaát tan )

**CAÂU 5:** 2đ

Haõy hoaøn thaønh caùc phaûn öùng sau vaø cho bieát teân töøng loaïi phaûn öùng :

a. H2 + O2 H2O

b. KClO3  KCl + O2

c. Fe2O3 + H2 Fe + H2O

d. Fe + HCl FeCl2 + H2

**CAÂU 6:** 2đ

Khöû 21,7 g thuûy ngaân (II) Oxít baèng khí hiñroâ . haõy:

a. Tính soá gam thuûy ngaân thu ñöôïc ?

b. Tính theå tích khí hiñroâ caàn duøng ở ĐKC

**Cho Biết: ( Thủy ngân(Hg) = 201 đvC, O = 16 đvC)**

**HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ ĐÁP ÁN ĐỀ THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HKII - NĂM HỌC 2016– 2017**

**Môn thi : HOÁ HỌC ..- LỚP 8**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CÂU | ĐÁP ÁN | ĐIỂM |
| Câu 1: (1đ )  Câu 2: (1đ )  Câu 3:2đ  Câu 4: (2đ )  Câu 5: (2đ )  Câu 6: (2đ ) | * Tính chất vật lý: Là chất khí, không màu, không mùi, ít tan trong nước, nặng hơn không khí. * Ứng dụng: Dùng để hô hấp, dùng để đốt nhiên liệu.   -  - Biện pháp bảo vệ : Không vức rác bừa bãi, thu gom các vỏ chai thuốc trừ sâu sau khi sử dụng song, hạn chế nguồn  nước thải từ các nhà máy, xí nghiệp…..   * Oxit: SO2 * Axit: H2SO4 * Bazơ: NaOH * Muối: K2CO3   Dung dòch laø hỗn hôïp ñoàng nhaát goàm dung moâi vaø chaát tan .  ví duï : nöôùc muoái, chaát tan laø muoái dung moâi laø nöôùc  a. 2H2 + O2 ­2H2O (Hóa hợp)  b. 2KClO3  2 KCl + 3 O2 ­ (Phân hủy)  c. Fe2O3 + 3H2 ­2Fe + 3 H2O ( Thế)  d. Fe + 2HCl FeCl2 + H2 ­ ( Thế)  nHgO= 21,7:217 = 0,1 mol  HgO + H2 Hg + H2O  1 1 1 1  0,1 0,1 0,1 0,1  a.mHg = 0,1 . 201 = 20,1 g  b. VH2 = 22,4 . 0,1 = 2,24 lít | 0,5đ  0,5  1    0,5  0,5  0,5  0,5  1  1  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5 |

Hết

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT**  **VĨNH TƯỜNG** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2016-2017**  **Môn: Hóa học- Lớp 8**  Thời gian làm bài: 45 phút *(Không kể thời gian giao đề)* |

**A. Phần trắc nghiệm (2 điểm):** Hãy chọn đáp án đúng trong các câu sau:

**Câu 1.** Trong các dãy chất sau đây, dãy chất nào làm quì tím chuyển màu xanh?

|  |
| --- |
| 1. KClO3, NaCl, FeSO4, MgCO3. |
| 1. CaO, SO3, BaO, Na2O. |
| 1. Ca(OH)2, KOH, NaOH, Ba(OH)2. |
| 1. HCl, HNO3, H2SO4, H3PO4. |

**Câu 2.** Xét các chất: Na2O, KOH, MgSO4, Ba(OH)2, HNO3, HCl, Ca(HCO3)2.Số oxit; axit; bazơ, muối lần lượt là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 1; 2; 2; 3. | **B.** 1; 2; 2; 2. | **C.** 2; 2; 1; 2. | **D.** 2; 2; 2; 1 |

**Câu 3.** Nồng độ % của một dung dịch cho biết

**A**. Số gam chất tan có trong 100g nước.

**B**. Số gam chất tan có trong 1000ml dung dịch.

**C**. Số gam chất tan có trong 100ml nước.

**D**. Số gam chất tan có trong 100g dung dịch.

**Câu 4.** Biết độ tan của KCl ở 30oC là 37. Khối lượng nước bay hơi ở 30oC từ 200g dung dịch KCl 20% để được dung dịch bão hòa là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 52 gam. | **B.** 148 gam. | **C.** 48 gam | **D.** 152 gam |

**B. Phần tự luận (8 điểm):**

**Câu 5.** Hoàn thành các phương trình hóa học sau và cho biết chúng thuộc loại phản ứng gì?:

K + ? KOH + H2

Al + O2 ?

FexOy + O2 Fe2O3

KMnO4 ? + MnO2 + O2

**Câu 6.** Nêu phương pháp nhận biết các chất khí sau: Khí nitơ, hiđro, oxi, cacbon đioxit, và khí metan (CH4). Viết PTHH nếu có?

**Câu 7.** Cho 5,4 gam bột Nhôm tác dụng vừa đủ với 400ml dung dịch HCl

a.Tính nồng độ mol/lít dung dịch HCl đã dùng?

b.Lượng khí Hidro thu được ở trên cho qua bình đựng 32g CuO nung nóng thu được m gam chất rắn. Tính % khối lượng các chất trong m?

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT**  **VĨNH TƯỜNG** | **HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HỌC KỲ II**  **NĂM HỌC 2016-2017**  **Môn: Hóa học- Lớp 8.** |

**A. Phần trắc nghiệm: (2,0 điểm)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** |
| **Đáp án** | **C** | **B** | **D** | **A** |
| **Thang điểm** | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 |

**B. Phần tự luận:(8,0điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu1 3đ** | 2K + 2H2O 2 KOH + H2 (Phản ứng thế)  4Al + 3O2 2Al2O3 (Phản ứng hóa hợp)  4FexOy +(3x- 2y) O2 2xFe2O3 (Phản ứng hóa hợp)  **2** KMnO4 K2MnO4 + MnO2 + O2 (Phản ứng phân hủy)  (HS xác định sai mỗi phản ứng trừ 0,25đ) | **0,75đ**  **0,75đ**  **0,75đ**  **0,75đ** |
| **Câu 2**  **2đ** | -Dùng dung dịch nước vôi trong nhận ra khí CO2  PTHH: CO2 + Ca(OH)2 CaCO3 + H2O  -Dùng tàn đóm đỏ nhận ra khí O2  PTHH: C + O2 to CO2­  -Ba khí còn lại dẫn qua bột CuO nung nóng, khí làm đổi màu CuO thành đỏ gạch là khí H2  PTHH: CuO + H2O to Cu + H2O  Hai khí còn lại đem đốt, khí cháy được là CH4, còn lại là Nitơ  PTHH: CH4 + 2O2 to CO2 + 2H2O | **0,5đ**  **0,5đ**  **0,5đ**  **0,5đ** |
| **Câu 7**  **3đ** | Đổi 400ml = 0,4l   1. PTHH: 2Al + 6HCl 2AlCl3 + 3H2 (1)   nAl = = 0,2(mol)  Theo PTHH (1) nHCl = 3nAl =3. 0,2 = 0,6(mol)  CM ddHCl =   1. Theo PTHH (1) nH2 = 3/2nAl = 3/2.0,2 = 0,3(mol)   nCuO =  PTHH: CuO + H2 to Cu + H2O  Trước pư: 0,4 0,3(mol)  Khi pư: 0,3 0,3 0,3(mol)  Sau pư: 0,1 0 0,3(mol)  mCuO dư = 0,1. 80 = 8(g)  mCu = 0,3. 64 = 19,2(g)  Trong m có 8gCuO dư và 19,2g Cu  %CuO = ; %Cu = 70,6%  *(Học sinh làm theo cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa)* | **0,5đ**  **0,5đ**  **0,5đ**  **0,5đ**  **0,5đ**  **0,5đ** |

--------------------------**Hết**--------------------------

**ĐỀ THI HỌC KÌ II NĂM HỌC 2017 – 2018**

MÔN: HÓA HỌC 8

Câu 1:Oxit là gì? Trong các hợp chất sau, đâu là oxit : Ca(NO3)2, K2O, Ca(OH)2, CO2, H2SO4, Cr(OH)3.

Câu 2: Hoàn thành các phản ứng hóa học sau và cho biết loại phản ứng của phương trình.

1. KClO3 ………..…… + ……………
2. Zn + H2SO4 →…………. + ………
3. Ca + O2  …………..
4. K2O + H2O →………….

Câu 3:Thế nào là dung dịch? Hòa tan 150 gam đường vào 300 gam nước thu được dung dịch có khối lượng bằng bao nhiêu?

Câu 4:Viết công thức hóa học của các hợp chất có tên sau: Nhôm oxit, Magie hiđroxit, Sắt (II) cacbonat, Axit photphoric.

Câu 5:Em hãy cho biết vai trò của nước trong đời sống và sản xuất? Làm thế nào để bảo vệ nguồn nước tránh ô nhiễm?

Câu 6:Hòa tan 13,5 gam nhôm (Al) trong dung dịch axit clohiđric (HCl) thu được nhôm Clorua (AlCl3) và giải phóng khí hiđro (H2)

1. Tính thể tích khí hiđro tạo thành ở điều kiện tiêu chuẩn.
2. Dẫn toàn bộ khí sinh ra đi qua bình đựng 64,8 gam sắt (II) oxit (FeO). Tính khối lượng kim loại sắt sinh ra sau phản ứng.

**ĐÁP ÁN ĐỀ THI MÔN HÓA HỌC 8 HK II**

**NĂM HỌC 2017 - 2018**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu | Đáp án | Biểu điểm |
| Câu 1  (1,5đ) | **Oxit** là hợp chất của hai nguyên tố trong đó có một nguyên tố là oxi.  Oxit : K2O, CO2 | 1đ  0,5đ |
| Câu 2  (2đ) | a. 2KClO3  2KCl + 3O2  => Phản ứng phân hủy  b. Zn + H2SO4 →ZnSO4 + H2  => Phản ứng thế  c. 2Ca + O2  2CaO  => Phản ứng hóa hợp  d. K2O + H2O → 2KOH  => Phản ứng hóa hợp | 0,5đ  0,5đ  0,5đ  0,5đ |
| Câu 3 (1,5đ) | Dung dịch là hỗn hợp đồng nhất của dung môi và chất tan  Khối lượng dung dịch thu được khi hòa tan 150 gam đường vào 300 gam nước là: mdd = mct  + mdm = 150+ 300 = 450 (g) | 1đ  0,5đ |
| Câu 4 (1đ) | Nhôm oxit: Al2O3  Magie hiđroxit: Mg(OH)2  Sắt (II) cacbonat : FeCO3  Axit phot phoric: H3PO4 | 0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ |
| Câu 5 (2đ) | \* Vai trò của nước trong đời sống và sản xuất:  Nước hòa tan nhiều chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể sống, tham gia vào nhiều quá trình hóa học quan trọng trong cơ thể người, động vật. Nước rất cần thiết cho sinh hoạt hàng ngày, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải,..  \* Để bảo vệ nguồn nước tránh ô nhiễm, mọi người cần phải:  - Có ý thức bảo vệ môi trường: không xả rác, vứt rác bừa bãi ra ao hồ, kênh, rạch, sông suối…  - Xử lí nước thải trước khi đưa ra môi trường. | 1đ    1đ |
| Câu 6  (2đ) | a. PTHH: 2Al + 6HCl 2AlCl3 + 3H2(1)  2mol 6mol 2mol 3mol  0,5mol 0,75mol  Số mol nhôm có trong 13,5 g.    Số mol khí hiđro.    Thể tích khí hiđro thu được (đktc)     1. Phương trình hóa học :   (2)  Số mol FeO có trong 64,8 gam    Theo PTHH: FeO dư. Số mol của sắt tính theo số mol khí hiđro  Số mol sắt thu được    Khối lượng sắt thu được | 0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ |

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II HÓA 8**

**I. Trắc nghiệm (2đ)**

**Khoanh tròn vào ý đúng nhất trong các câu sau**

Câu 1: (vdt)Dãy hợp chất nào sau đây chỉ gồm các hợp chất axit?

A. NaOH; KCl; HCl B. HCl; CuSO4; NaOH

C. HCl; H2SO4; HNO3 D. H2SO4; NaCl; Cu(OH)2

Câu 2: (b) Tính chất hóa học của oxi tác dụng với phi kim thể hiện ở PTHH nào sau đây

A.2Cu + O2 → 2CuO B.4Al + 3O2 → 2Al2O3

C.4P + 5O2 → 2P2O5 D.3Fe + 2O2 → Fe3O4

Câu 3: (b) Xác định chất nào thuộc loại oxit axit

A.Fe2O3 B.CO C.MgO D.K2O

Câu 4: (h) Fe2O3 được gọi là

A.Đi sắt trioxit B.Sắt (II,III) oxit C.Sắt (II) oxit D.Sắt (III) oxit

Câu 5: (b) Sự oxi hóa là sự tác dụng của oxi với

A.Một chất B.Kim loại C.Phi kim D.Hợp chất

Câu 6: (vdt)Đốt 0,1 mol Mg trong khí oxi thu được MgO. Số gam oxi cần dùng để đốt Mg trong phản ứng trên là

A.1,6g B.3,2g C.0,8g D.8g

Câu 7: (b) Trong các hợp chất sau, hợp chất nào là bazơ

A.CaO B.HNO3 C.Al2(SO4)3 D.NaOH

Câu 8: (b) Chất nào sau đây dùng điều chế khí hiđro trong phòng thí nghiệm

A.Fe, HCl B.Cu, HCl C.KMnO4 D.H2O

II. Tự luận (8đ)

Câu 1 : Hoàn thành các sơ đồ phản ứng sau (h) ( 2 đ )

a. Fe3O4  + H2 -- →Fe + H2O

b. CH4 + O2 -- → CO2 + H2O

c. Na + H2O -- → NaOH + H2

d. Fe + HCl -- → FeCl2 + H2

Câu 2:Cho 2 ví dụ về 2 loại oxit đã học. Gọi tên từng ví dụ(1đ) (b)

Câu 3: Có 3 lọ riêng biệt đựng các chất khí sau: Không khí, hiđro và oxi. Bằng phương pháp hóa học nào có thể nhận biết các khí trong mỗi lọ. (vdt) ( 1,5 đ)

Câu 4: Cho 13 g kẽm tác dụng hết với dd HCl thu được muối kẽm clorua (ZnCl2 ­) và khí hiđro ( H2 ). Cho toàn bộ lượng khí hidro thu được tác dụng với 20g CuO, sản phẩm là Cu và H2O.

a. Viết phương trình phản ứng xảy ra ? (b) (0.75đ)

b.Tính khối lượng kẽm clorua (ZnCl2) tạo thành ? (h) (1.75đ)

c. Tính khối lượng chất còn dư sau phản ứng khử của H2? (vdc) (1đ)

Câu 5: (vdt) (1.5đ) Có 3 lọ mất nhãn đựng các dung dịch sau: HCl, NaOH, NaCl. Bằng phương pháp hóa học, em hãy nhận biết các lọ trên.

Câu 6: Trong phòng thí nghiệm người ta dùng khí hidrô để khử đồng (II) oxit ở nhiệt độ cao và thu được 12,8g kim loại đồng..

a/. Hãy lập phương trình phản ứng trên? (b) (0.5đ)

b/. Tính thể tích khí hidrô đã dùng (đktc)? (h) (1.5đ)

c/. Tính khối lượng đồng (II) oxit đã tham gia phản ứng? (vdc) (1đ)

Câu 7: Cho 3,2 g lưu huỳnh cháy trong không khí thu được khí sunfurơ (lưu huỳnh đioxit).

a/ Viết phương trình phản ứng xảy ra (b) (0.75đ)

b/ Tính khối lượng lưu huỳnh đioxit tạo thành (h) (1.25đ)

c/ Tính thể tích không khí cần dùng, biết thể tích không khí bằng 5 lần thể tích khí oxi. (vdc) (1đ)

Các khí đo ở đktc. ( Cho S = 32 , O = 16 )

**HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM**

**I.Trắc nghiệm (2đ)**

**Mỗi câu trả lời đúng đạt 0.25đ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đ. Án | C | C | B | D | A | A | D | A |

II. Tự luận (8đ)

Câu 1: Mỗi phương trình đúng 0.5đ

a. Fe3O4  + 4H2 → 3Fe + 4H2O

b. CH4 + 2O2 → CO2 + 2H2O

c. 2Na + 2H2O → 2NaOH + H2

d. Fe + 2HCl → FeCl2 + H2

Câu 2: Mỗi ví dụ đúng 0.5đ

Câu 3: Nhận biết mỗi chất 0.5đ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | H2 | O2 | ­Khoâng khí |
| Bột CuO (mđen) | CuO mđen chuyển thành mđỏ Cu | Không hiên tượng | Không hiên tượng |
| Tàn que đóm |  | Bừng cháy | Bình thường |

(HS có thể làm cách khác nếu đúng vẫn đạt trọn điểm)

Câu 4:

a/ Zn + 2HCl —> ZnCl2 + H2 0.5đ

H2 + CuO —> Cu + H2O 0.25đ

b/ nZn = = = 0,2mol 0.5đ

n CuO =  = = 0,25mol 0.25đ

Zn + 2HCl —> ZnCl2 + H2

1mol 2mol 1mol 1mol

0,2 —> 0,2 —> 0,2 0.5đ

mZnCl2 = n. M = 0,2 . 136 = 27,2g 0.5đ

c/

Vì số mol CuO > H2 mà tỉ lệ số mol CuO và H2 ở phương trình bằng nhau

nên ta tính số mol Cu dựa vào số mol H2 0.25đ

H2 + CuO —> Cu + H2O

1mol 1mol 1mol 1mol

0,2—> 0,2 —> 0,2 —> 0,2 0.25đ

Vậy CuO dư: 0,25 – 0,2 = 0,05 mol 0.25đ

mCuO dư = 0,05 . 80 = 4g 0.25đ

Câu 5: Lấy mỗi lọ ra 1 ít cho vào 3 chén sứ để làmthí nghiệm

Dùng quỳ tím nhận nhúng vào các chén sứ đựng hóa chất thử

- ddHCl làm quỳ tím chuyển thành màu đỏ ( 0,5đ )

- ddNaOH làm quỳ tím chuyển thành màu xanh ( 0,5đ )

- dd NaCl không làm quỳ tím đổi màu ( 0,5đ )

Câu 6: + (0.75 đ )Oxit axit : SO2 (lưu huỳnh đioxit)

P2O5 (điphotpho pentaoxit)

CO2 (cacbon đioxit)

+ (0.75 đ )Oxit bazo : Fe2O3 (sắt III oxit)

Al2O3 (nhôm oxit)

Na2O (natri oxit)

Câu 4: (3.0 d)

a/ CuO + H2  Cu + H2O ( 0,5đ )

b/ Tính số mol của 12,8 gam đồng:  ( 0,5đ )

CuO + H2  Cu + H2O

1mol 1mol 1mol

0,2mol ← 0,2mol ← 0,2mol (0.5đ)

Tính thể tích khí hidro cần dùng ( đktc ): V = n.22,4 = 0,2 . 22,4 = 4,48 (lit ) ( 0,75đ )

Khối lượng đồng (II) oxit tham gia phản ứng: m = n . M = 0,2 . 80 = 16 (g) ( 0,75đ )

Câu 7:

a/ S + O2 → SO2 0.75đ

b/nS = mS:MS = 3,2:32 = 0,1mol 0.5đ

S + O2 → SO2

1mol 1mol 1mol

0,1mol→ 0,1mol→ 0,1mol 0.5đ

mSO2 = n.M = 0,1.64=6,4g 0.5đ

c/VO2 = n.22,4 = 0,1.22,4 = 2,24lit 0.5đ

VKK = 5.VO2 = 5.2,24 = 11,2lit 0.25đ

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II HÓA 8**

***Hãy khoanh tròn một trong các chữ cái A,B,C,D..Trước phương án mà em cho là đúng.***

***Câu 1. Hợp chất nào sao đây là Oxit.***

A.NaCl B.NaOH C.Na2O D.NaNO3

***Câu 2. Hợp chất nào sao đây là Ba zơ***

A .K2O. B.KCl C.Ba(OH)2 D.HCl

***Câu 3. .Muối nào sao đây là muối A xit.***

A. CaCO3 B.Ca(HCO3)2  C. CaCl2 D.CaSO4

***Câu 4. Ba zơ Nào sau đây tan được trong nước.***

A.Fe(OH)3 B.Cu(OH)2 C.NaOH D.Al(OH)3

***Câu* 5. Muối là hợp chất trong thành phần phân tử có:**

a. Nguyên tử Kim loại liên kết với nhóm Hiđrôxít (–OH).

b. Nguyên tử Kim loại liên kết với nguyên tử Ôxi.

c. Nguyên tử Kim loại liên kết với gốc Axít.

d. Nguyên tử Kim loại liên kết với nguyên tử Clo.

***Câu 6.* Nồng độ % của dung dịch là:**

a.Số gam chất tan có trong 100g dung dịch.

b. Số gam chất tan có trong 100g dung môi.

c. Số gam chất tan có trong 1lít dung dịch.

d. Số gam chất tan tan trong 100 gam dung môi để tạo thành dung dịch bão hoà.

II**. TỰ LUÂN (7 Đ)**

**Câu 1: *Hãy chọn chất thích hợp để lập các phương trình phản ứng hoá học sau:***

a. Mg + ……. … MgCl2  + H2 ⭡.

b. Ca + ………. … to  CaO

to

c. KMnO4  K2MnO4  + MnO2  + ………

to

d. FeO + ………. Fe + H2O.

**Câu 2: Đốt cháy Phốt Pho theo sơ đồ:**

P + O2  ----------🡪 P2O5.

a. Hãy lập phương trình phản ứng.

b. Cần bao nhiêu lít O2 để đốt cháy hoàn toàn 15,5g P.

c. Để tạo ra 28,4g P2O5 thì cần bao nhiêu lít không khí ( Biết Ô xi chiếm 1/5 thể tích không khí).

**ĐÁP ÁN:**

**I. TRẮC NGHIỆM:**

Từ câu 1 – 6 mỗi câu chọn đúng 0,5đ

1C; 2C; 3B; 4C; 5aC;5bC;

**II. TỰ LUẬN:**

**Câu 1**: ( 4 điểm ) Mỗi phương trình đúng được : **1điểm**.

a. Mg + 2HCl MgCl2  + H2 ⭡.

b. Ca + O2  to  CaO

to

c. 2KMnO4  K2MnO4  + MnO2  + O2⭡

to

d. FeO + H2  Fe + H2O.

**Câu 2**: ( 3 điểm)

a/- Phương trình phản ứng: to

4 P + 5O2 2 P2O5. ( 0,5 điểm)

b/- Số mol của P:

m 15.5

nP = = = 0,5 (Mol) ( 0,52 điểm)

M 31

5 5

- Theo PTPƯ: nO2 = nP = x 0,5 = 0,625 (mol) ( 0,25 điểm)

4 4

- Thể tích của O2 cần dùng (ĐKTC) là:

VO2 = 0,625 x 22,4 = 14 (l). ( 0,5 điểm)

c/ - Số mol của P2O5 là:

nP2O5 = 28,4/ 142 = 0,2 ( Mol) ( 0,5 điểm)

* Theo PTPƯ: nO2 = 5/2 nP2O5 = 5/2 x 0,2 = 0,5 (Mol) ( 0,5 điểm)
* Thể tích của không khí cần dùng là:

0,5 x 22,4 x 5 = 56 (l). ( 0,5 điểm)

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II HÓA 8**

I . TRẮC NGHIỆM ( 3 Đ)

*Khoanh tròn chữ cái của câu trả lời đúng.*

*Câu 1. Hợp chất nào sao đây là Oxit.*

A.NaCl B.NaOH C.Na2O D.NaNO3

*Câu 2. Hợp chất nào sao đây là Ba zơ*

A .K2O. B.KCl C.Ba(OH)2 D.HCl

*Câu 3. .Muối nào sao đây là muối A xit.*

A. CaCO3 B.Ca(HCO3)2  C. CaCl2 D.CaSO4

*Câu 4. Ba zơ nào sau đây tan được trong nước.*

A.Fe(OH)3 B.Cu(OH)2 C.NaOH D.Al(OH)3

*Câu 5. Cho các phản ứng hóa học sau:*

1, 4Na + O2 →2Na2O 4,Al(OH)3 → Al2O3 + 3H2O

2, 2 KClO3 → 2KCl + 3O2 5, CaCO3 → CaO + CO2

3, 2Al +Cl2 → 2AlCl3 6, K2O + H2O→ 2KOH

*Phản ứng nào là phản ứng phân hủy.*

A. 1,2,3 B.1,2,4 C.2,4,5 D.3,4,6

Câu 6 Nồng độ % của dung dịch là:

A.Số gam chất tan có trong 100g dung dịch.

B. Số gam chất tan có trong 100g dung môi

C. Số gam chất tan có trong 1lít dung dịch.

D. Số gam chất tan tan trong 100 gam dung môi để tạo thành dung dịch bão hoà

II. TỰ LUÂN (7 Đ)

*Câu* 7. Bổ túc và hoàn thành phương trình phản ứng sau:

a. Al + H2SO4 → …… + H2

b. ……………. → KCl + O2

c. CH4 + …… .→ CO2 + H2O

d. CuO + H2 → Cu +………

***Câu* 8**. Trình bày tính chất hóa học của Oxi.Viết phương trình phản ứng minh họa

***Câu 9 :***Cho dòng khí CO dư đi qua ống chứa 1,6 g sắt (III) oxit nung nóng, thu được sắt và khí cacbonic.

a, Viết phương trình hoá học xảy ra.

b, Tính khối lượng sắt thu được .

c, Tính thể tích khí cacbonic ( đktc) tạo thành.

.

(Biết Fe= 56: H= 1: S=32: O =16: Cu= 64)

**ĐÁP ÁN:**

**I. TRẮC NGHIỆM:**

Từ câu 1 – 6 mỗi câu chọn đúng 0,5đ

1C; 2C; 3B; 4C; 5aC;5bC;

**II. TỰ LUẬN:**

**Câu 1(2đ)**

(1) Al + H2SO4  🡪 Al2(SO4 )3 + 3H2O

(2) 2KCl O3🡪2 KCl + 3O2

CH4 + … O2 .→ CO2 + 2H2O

CuO + H2 → Cu +H2O

Mỗi PTHH viết đúng

**Câu 2: (1,5đ)**

- Tác dụng với kim loại

3Fe + 2O2  🡪 SO2

- Tác dụng với phi kim loại

S + O2  🡪 SO2

- Tác dụng với hợp chất

CH4 + O2 🡪 CO2 + 2H2O

**Câu 3:** **(3,5đ)**

a, Phương trình phản ứng :

Fe2O3 + 3 CO2 → 2 Fe + 3 CO2 ↑

b, Số mol Fe2O3 là:

nFe2O3 =  = 0,01 ( mol )

Theo phương trình phản ứng:

nFe = 2 nFe2O3 = 2 . 0,01 = 0,02 ( mol )

Khối lượng sắt thu được sau phản ứng là:

mFe  = n . M = 0,02 . 56 = 1,12 ( g )

c, Theo phương trình phản ứng:

nCO2 = 3 nFe2O3 = 3 . 0,01 = 0,03 ( mol )

Thể tích khí CO2 ( đktc) thu được là:

* VCO2 = n . 22,4 = 0,03 . 22,4 = 0,672 ( l )
* Số mol Fe = 0,2(mol)

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS  ………………… | **KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC KÌ II NĂM HỌC 2017-2018**  **Môn: Hóa học - Lớp 8**  Thời gian làm bài: 45 phút (Không kể thời gian giao đề) |

Họ và tên học sinh: ……………………………………………….. Lớp:…………..

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Số báo danh | Giám thị 1 | Giám thị 2 | Số phách |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Điểm | Giám khảo 1 | Giám khảo 2 | Số phách |

**Đề bài**:

**Câu 1**: *(2 điểm)* Phân loại và gọi tên các hợp chất sau: Fe(OH)3, HCl, P2O5, Na2SO4.

**Câu 2:** *(3 điểm*) Hoàn thành các sơ đồ phản ứng sau và cho biết chúng thuộc loại phản ứng hóa học nào?

a. Na + H2O → NaOH + H2

b. P + O2 → P2O5

c. Zn + HCl → ? + ?

d. KClO3 → ? + ?

**Câu 3**: *(1 điểm)* Nêu các biện pháp để dập tắt sự cháy.

**Câu 4:** *(2,5 điểm)* Cho 8 gam lưu huỳnh trioxit (SO3) tác dụng hết với nước thu được dung dịch axit sunfuric (H2SO4).

a) Viết phương trình hóa học của phản ứng xảy ra.

b) Cho quỳ tím vào sản phẩm của phản ứng trên thì có hiện tượng như thế nào.

c) Tính khối lượng axit sunfuric thu được.

d) Xác định nồng độ mol của 250ml dung dịch axit sunfuric thu được ở trên.

**Câu 5**: *(1,5 điểm)* Cho 3,36 lít oxi (ở đktc) phản ứng hoàn toàn với một kim loại hóa trị III thu được 10,2 g oxit. Xác định tên kim loại.

KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC KÌ II NĂM HỌC 2017-2018

**Hướng dẫn chấm môn: Hóa học 8**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1**  **(2điểm)** | Phân loại và gọi tên đúng mỗi chất cho 0,5đ   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **CTHH** | **Phân loại** | **Tên gọi** | | Fe(OH)3 | Bazơ | Sắt (III) hiđroxit | | HCl | Axit | Axit clohidric | | P2O5 | Oxit | Điphotpho pentaoxit | | Na2SO4 | Muối | Natri sunfat | | 0,5đ  0,5đ  0,5đ  0,5đ |
| **2**  **(3điểm)** | Hoàn thành đúng mỗi phương trình cho 0,5đ  Phân loại đúng mỗi phản ứng cho 0,25đ  a. 2Na + 2 H2O → 2NaOH + H2 Phản ứng thế  b. 4P + 5O2 → 2P2O5 Phản ứng hóa hợp  c. Zn + 2HCl → ZnCl2 + H2 Phản ứng thế  d. 2KClO3 → 2KCl + 3O2 Phản ứng phân hủy | 0,75đ  0,75đ  0,75đ  0,75đ |
| **3**  **(1điểm)** | Thực hiện một hoặc đồng thời cả 2 biện pháp sau:   * Hạ nhiệt độ của chất cháy xuống dưới nhiệt độ cháy * Cách li chất cháy với khí oxi. | 0,5đ  0,5đ |
| **4**  **(2,5điểm)** | a) PTHH:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | SO3 | + | H2O | → | H2SO4 |   b) Quỳ tím chuyển sang màu đỏ  c) nSO3 = 8: 80=0,1 (mol)   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | SO3 | + | H2O | → | H2SO4 | | 0,1 |  |  |  | 0,1 | (mol) |   Khối lượng axit sunfuric: m = 0,1 x 98 = 9,8 (g)  d) Đổi 250ml=0,25 l  Số mol axit sunfuric: n=0,1 mol  Nồng độ mol axit sunfuric: CM = 0,1 : 0,25 = 0,4 (M) | 0,5đ  0,5đ  0,25đ  0,5đ  0,25đ  0,5đ |
| **5**  **(1,5điểm)** | - Gọi M là kí hiệu và nguyên tử khối của kim loại hóa trị III.  - PTHH:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | 4M | + | 3O2 | → | 2M2O3 | |  |  | 3.22,4 l |  | 2(2M+3.16) g | |  |  | 3,36 l |  | 10,2g |   - Ta có: 3.22,4 x 10,2 = 3,36 x 2(2M+3.16)  13,44 M = 685,44  M = 27  - Kim loại là nhôm: Al | 0,25đ  0,5đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ |

*Chú ý: - Học sinh làm cách khác đúng cho điểm tối đa.*

*- Phương trình viết đúng chưa cân bằng trừ ½ điểm phương trình đó.*

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II HÓA 8**

**Câu 1:** *(3 điểm)*

a.Nêu tính chất hoá học của hiđro. Viết phương trình hóa học minh họa.

b. Độ tan của một chất trong nước là gì? Độ tan của chất rắn phụ thuộc vào nhiệt độ như thế nào?

**Câu 2:** *(2 điểm)*

Đọc tên của những chất có công thức hóa học ghi dưới đây:

a. NaOH, Fe(OH)3, HCl, H2SO4.

b. Na2SO3, AgNO3, FeCl2, Ca(HCO3)2.

**Câu 3:** *(2 điểm)*

a. Hoà tan 10 gam đường vào 40 gam nước. Tính nồng độ phần trăm của dung dịch.

b. Trong 200 ml dung dịch có hoà tan 20 gam NaOH. Tính nồng độ mol của dung dịch.

**Câu 4:** *(2 điểm)*

Đốt cháy 42 gam sắt trong bình chứa 13,44 lít khí oxi (đktc) tạo thành oxit sắt từ.

a. Sắt hay oxi, chất nào còn dư và số mol chất còn dư là bao nhiêu?

b. Tính khối lượng oxit sắt từ tạo thành.

**Câu 5:** *(1 điểm)*

Giải thích tại sao:

a. Khi nhốt một con châu chấu vào một lọ nhỏ rồi đậy nút kín, sau một thời gian con châu chấu sẽ chết dù có đủ thức ăn.

b. Khi tắt đèn cồn người ta đậy nắp đèn lại.

***(Cho: H = 1; Cl= 35,5; O = 16; Al= 27; Na=23)***

**ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu | Đáp án | Biểu điểm |
| 1 | a. Tính chất hóa học của H2.  - Tác dụng với oxi tạo thành nước  2H2 + O2  2H2O  - Tác dụng với một số oxit kim loại tạo thành kim loại và nước (hơi)  CuO + H2  Cu + H2O  ( Hs có thể viết PTHH khác)  b.  - Độ tan của một chất trong nước là số gam chất đó hòa tan trong 100 gam nước để tạo thành dung dịch bão hòa ở một nhiệt độ xác định  - Độ tan của chất rắn trong nước phụ thuộc vào nhiệt độ:  + Trong nhiều trường hợp, khi tăng nhiệt độ thì độ tan của chất rắn cũng tăng theo.  + Số ít trường hợp, khi tăng nhiệt độ thì độ tan lại giảm. | 0,5 điểm  0,5 điểm  0,5 điểm  0,5 điểm  0,5 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm |
| 2 | a.  NaOH: natri hidroxit  Fe(OH)3: Sắt (III) hidroxit  HCl: axit clohidric  H2SO4: axit sunfuric  b.  Na2SO3: Natri sunfit  AgNO3: Bạc nitrat  FeCl2: Sắt (II) clorua  Ca(HCO3)2: Canxi hidrocacbonat | 2 điểm. Đọc đúng mỗi CTHH 0,25 điểm |
| 3 | a. Khối lượng dung dịch đường:  10 + 40 = 50 (g)  Nồng độ phần trăm của dung dịch đường:  C%đường = 10 x 100% : 50 = 20%  b. - Số mol NaOH:  20 : 40 = 0,5 (mol)  - Nồng độ mol của dung dịch NaOH :  CM = 0,5/0,2= 2,5M | 0,5 điểm  0,5 điểm  0,5 điểm    0,5 điểm |
| 4 | a. Số mol sắt: nFe = 42 : 56 = 0,75 (mol)  Số mol khí oxi: 13,44 : 22,4 = 0,6 (mol)  Phương trình hóa học:  3Fe + 2O2  Fe3O4  3 mol 2 mol 1 mol  0,75 mol 0,5 mol 0,25 mol  Ta có tỉ lệ:  0,75/3 < 0,6/2 suy ra oxi dư.  Số mol của oxi dư là: 0,6 - 0,5 = 0,1 (mol)  nAl = m : M = 5,4 : 27 = 0,2 mol  b.  Khối lượng oxit sắt từ tạo thành là:  0,25 x 232 = 58 (gam) | 0,5 điểm  0,25 điểm  0,5 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm |
| 5 | a. Châu chấu chết vì không có khí oxi để hô hấp.  b.Vì khi đậy nắp lại không còn không khí nghĩa là không có khí oxi, cồn không cháy được nữa. | 0,5 điểm  0,5 điểm |

Phòng GD&ĐT Hòn Đất KIỂM TRA HỌC KÌ II – Năm học: 2017 - 2018

**Trường THCS Bình Giang** Môn: Hóa học Khối: 8

Lớp 8/ … Thời gian 45 phút (không kể giao đề)

Họ và tên: ....................................................

|  |  |
| --- | --- |
| Điểm | Lời nhận xét |
|  |  |

Đề bài

**Câu 1:** *(3 điểm)*

a.Nêu tính chất hoá học của hiđro. Viết phương trình hóa học minh họa.

b. Độ tan của một chất trong nước là gì? Độ tan của chất rắn phụ thuộc vào nhiệt độ như thế nào?

**Câu 2:** *(2 điểm)*

Đọc tên của những chất có công thức hóa học ghi dưới đây:

a. NaOH, Fe(OH)3, HCl, H2SO4.

b. Na2SO3, AgNO3, FeCl2, Ca(HCO3)2.

**Câu 3:** *(2 điểm)*

a. Hoà tan 10 gam đường vào 40 gam nước. Tính nồng độ phần trăm của dung dịch.

b. Trong 200 ml dung dịch có hoà tan 20 gam NaOH. Tính nồng độ mol của dung dịch.

**Câu 4:** *(2 điểm)*

Đốt cháy 42 gam sắt trong bình chứa 13,44 lít khí oxi (đktc) tạo thành oxit sắt từ.

a. Sắt hay oxi, chất nào còn dư và số mol chất còn dư là bao nhiêu?

b. Tính khối lượng oxit sắt từ tạo thành?

**Câu 5:** *(1 điểm)*

Giải thích tại sao:

a. Khi nhốt một con châu chấu vào một lọ nhỏ rồi đậy nút kín, sau một thời gian con châu chấu sẽ chết dù có đủ thức ăn.

b. Khi tắt đèn cồn người ta đậy nắp đèn lại.

***(Cho: H = 1; O = 16; Fe = 56; Na=23)***

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II-NĂM HỌC: 2016 – 2017**

**Môn: Hóa học 8**

**I. TRẮC NGHIỆM: (3 điểm)**

***Khoanh tròn chữ cái (A, B, C, D) đứng trước câu trả lời đúng***

Câu 1. Phản ứng nào sau đây là phản ứng phân hủy?

A. CO2 + Ca(OH)2  CaCO3 + H2O B. CaO + H2O  Ca(OH)2

C. 2KMnO4  K2MnO4 + MnO2 + O2 D. CuO + H2Cu + H2O

Câu 2. Dung dịch tạo thành khi cho nước hóa hợp với Na2O sẽ làm cho quỳ tím chuyển sang màu gì?

A. Màu đỏ B. Màu xanh C. Màu vàng D. Không đổi màu

Câu 3. Khử 12g sắt (III) oxit bằng khí hiđro ở nhiệt độ cao. Thể tích khí hiđro(ở đktc) cần dùng là:

A. 5,04 lít B. 7,56 lít C. 10,08 lít D. 8,2 lít

Câu 4. Dãy nào sau đây gồm các chất đều thuộc loại axit?

A. H3PO4, S, NaOH B. H3PO4, CuO, Na2CO3

C. HNO3, K, KCl D. HCl, H2S, H2SO4

Câu 5. Khối lượng NaOH có trong 20 gam dung dịch NaOH 10% là:

A. 20 (g) B. 2 (g) C. 0,2 (g) D. 0,02 (g)

Câu 6. Để tổng hợp nước người ta đã đốt cháy hoàn toàn 4,48 lít khí hiđro (đktc) trong oxi. Thể tích khí oxi (đktc) cần dùng là:

A. 44,8 lít B. 4,48 lít C. 2,24 lít D. 22,4 lít

Câu 7. Trộn 5 ml rượu etylic (cồn) với 10 ml nước cất. Câu nào sau đây diễn đạt đúng:

A. Chất tan là rượu, dung môi là nước.

B. Chất tan là nước, dung môi là rượu.

C. Nước hoặc rượu etylic có thể là chất tan hoặc là dung môi.

D. Cả 2 chất nước và rượu etylic vừa là chất tan vừa là dung môi.

Câu 8. Khi giảm nhiệt độ và tăng áp suất thì độ tan của chất khí trong nước thay đổi như thế nào?

A. Giảm B. Không thay đổi C. Có thể tăng hoặc giảm D. Tăng

Câu 9. Dung dịch NaCl 1M có nghĩa là:

A. Trong 100 gam dung dịch có 1 gam NaCl.

B. Trong 100 gam dung dịch có 1 mol NaCl.

C. Trong 1 lít dung dịch có 1 mol NaCl.

D. Trong 1000 ml dung dịch có 10 mol NaCl.

Câu 10. Dung dịch là hỗn hợp:

A. Của chất rắn trong chất lỏng.

B. Của chất khí trong chất lỏng.

C. Đồng nhất của chất rắn và dung môi.

D. Đồng nhất của dung môi và chất tan.

Câu 11. Có thể thu khí hidro bằng phương pháp đẩy nước và đẩy không khí vì hidro:

A. Là chất khí B. Nhẹ hơn không khí và ít tan trong nước

C. Nặng hơn không khí D. Có nhiệt độ hóa lỏng thấp

Câu 12. Số mol Na2CO3 có trong 100 ml dung dịch 2M là:

A. 0,1 mol B. 0,15 mol C. 0,25 mol D. 0,2 mol

**II. TỰ LUẬN: (7 điểm)**

**Bài 1**. (1 điểm) Trình bày tính chất hóa học của nước và viết các phương trình hóa học minh họa.

**Bài 2**. (2 điểm) Hoàn thành dãy chuyển hóa sau (ghi rõ điều kiện phản ứng):

KClO3O2Fe3O4 Fe FeSO4

**Bài 3**. (1 điểm) Đọc tên các hợp chất sau:

a. PbO b. NaHCO3 c. Fe(OH)2 d. HNO3

**Bài 4**. (3 điểm) Khi cho 0,2 mol kẽm tác dụng với dung dịch có chứa 49 gam axit sunfuric.

a. Viết phương trình phản ứng?

b. Sau phản ứng chất nào còn dư?

c. Tính thể tích khí hiđro thu được (ở đktc)?

***( Biết: S = 32 ; O = 16; H = 1; Zn = 65; Fe=56 )***

**................Hết...............**

PHÒNG GD&ĐT – BUÔN MA THUỘT

**TRƯỜNG - THCS -----------------------------------**

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II-NĂM HỌC: 2016 - 2017**

**Hướng dẫn chấm môn Hóa học 8**

**I. Trắc nghiệm: (3 điểm)** Đáp án đúng 0.25 đ/câu

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| Đáp án | C | B | A | D | B | C | A | D | C | C | B | D |

**II. Tự luận: (7 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu | Đáp án | Biểu điểm |
| Câu 1  (1 điểm) | - Nêu được 3 tính chất hóa học của nước  - Tác dụng với kim loại:  2Na + H2O 2NaOH + H2  - Tác dụng với oxit bazơ:  BaO + H2O Ba(OH)2  - Tác dụng với oxit axit:  SO3 + H2O H2SO4 | 0.25  0.25  0.25  0.25 |
| Câu 2  (2 điểm) | 2KClO3  2KCl + 3O2  3Fe + 2O2 Fe3O4  Fe3O4 + 4H2 3Fe + 4H2O  Fe + H2SO4 FeSO4 + H2  ***Lưu ý***: - Viết sai công thức không ghi điểm  - Chưa cân bằng hoặc thiếu điều kiện: - 0,25đ/pthh | 0.5  0.5  0.5  0.5 |
| Câu 3  (1 điểm) | a. PbO: Chì oxit  b. NaHCO3: Natri hiđrocacbonat  c. Fe(OH)2: Sắt (II) hiđroxit  d. HNO3: Axit nitric | 0.25  0.25  0.25  0.25 |
| Câu 4  (3 điểm) | n= = 0,5 (mol)  a. Phương trình phản ứng:  Zn + H2SO4  ZnSO4 + H2  1 mol 1 mol 1 mol 1 mol  Đề bài: 0,2 mol 0,5 mol 0,2 mol  b. Dựa theo PTHH trên ta có tỉ lệ: < nên axit H2SO4 còn dư, kim loại Zn tham gia phản ứng hóa học hết sau phản ứng.  c. Tính thể tích khí hiđro thu được theo số mol kim loại kẽm:  n= n= 0,2 (mol)  V= 0,2 22,4 =4,48 (lít)  ***Lưu ý***: - HS làm cách khác đúng vẫn tính điểm. | 0.5  0.5  0.5  0.5  0.5  0.5 |

Phòng GD &ĐT Trần Văn Thời KIỂM TRA HỌC KỲ II

Trường THCS Vồ Dơi Môn : Hóa Học 8

Thời gian 45 phút

**I . TRẮC NGHIỆM ( 3 Đ)**

*Khoanh tròn chử cái của câu trả lời đúng.*

***1. Hợp chất nào sao đây là Oxit.***

A.NaCl B.NaOH C.Na2O D.NaNO3

***2. Hợp chất nào sao đây là Ba zơ***

A .K2O. B.KCl C.Ba(OH)2 D.HCl

***3. .Muối nào sao đây là muối A xit.***

a. CaCO3 B.Ca(HCO3)2  C. CaCl2 D.CaSO4

***4. Ba zơ Nào sau đây tan được trong nước.***

A.Fe(OH)3 B.Cu(OH)2 C.NaOH D.Al(OH)3

***5. Cho các phản ứng hóa học sao:***

1, 4Na + O2 →2Na2O 4,Al(OH)3 → Al2O3 + 3H2O

2, 2 KClO3 → 2KCl + 3O2 5, CaCO3 → CaO + CO2

3, 2Al +Cl2 → 2AlCl3 6, K2O + H2O→ 2KOH

***a. Phản ứng nào là phản ứng phân hủy.***

A. 1,2,3 B.1,2,4 C.2,4,5 D.3,4,6

***b. Phản ứng nào là phản ứng hóa hợp***.

A. 2,4,6 B.4,5,6 C.1,3,6 D.2,3,6

II**. TỰ LUÂN (7 Đ)**

**1**. Bổ túc và hoàn thành phương trình phản ứng sau:

a. Al + H2SO4 → …… + H2

b. ……………. → KCl + O2

c. CH4 + …… .→ CO2 +H2O

d. CuO + H2 → Cu +………

2 Trình bày tính chất hóa học của Oxi.

**3**. Hòa tan hoàn toàn11,2 gam Fe vào dung dịch axit sun fu ric. Tính

a. Thể tích khí hi đro sinh ra ở đktc

b. Khôí lượng của muối sắt II sunfat (FeSO4) tạo thành

**4**. Một dung dịch CuSO4 có khối lượng riêng là 1,206 g/ml. Khi cô can 165,84 ml dung dịch này ngưới ta thu được 36 gam CuSO4 , Hãy xác định nồng đô phần trăm của dung dịch CuSO4 đã dùng.

(Biết Fe= 56: H= 1: S=32: O =16: Cu= 64)

**ĐÁP ÁN:**

**I. TRẮC NGHIỆM:**

Từ câu 1 – 6 mỗi câu chọn đúng 0,5đ

1C; 2C; 3B; 4C; 5aC;5bC;

**II. TỰ LUẬN:**

**Câu 1:**

(1) Al + H2SO4  🡪 Al2(SO4 )3 + 3H2O 0,5đ

(2) 2KCl O3🡪2 KCl + 3O2 0,5đ

CH4 + … O2 .→ CO2 + 2H2O 0,5đ

CuO + H2 → Cu +H2O 0,5đ

Mỗi PTHH viết đúng

**Câu 2:**

- Tác dụng với kim loại

3Fe + 2O2  🡪 SO2 0,5đ

- Tác dụng với phi kim loại

S + O2  🡪 SO2

- Tác dụng với hợp chất

CH4 + O2 🡪 CO2 + 2H2O

**Câu 3:**

* Số mol Fe = 0,2(mol) 0,5đ

a/ PTHH: Fe + H2SO4  🡪 FeSO4 + H2 0,5đ

* Số mol H2 = 0,2(mol) 0,5đ
* Thể tích H2 = 4,48 lít 0,5đ

b/ Theo PTHH ta có: Số mol FeSO4  = 0,2mol.

Khối lượng của FeSO4 = 0,2\* 160 = 32 (g) 0,5đ

**Câu 4:**

* Khối lượng của dung dịch = 11,206 \*165,84 = 200g 0,5đ
* Nồng độ % của dung dịch = 36\*100/200 = 018% 0,5đ

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT CHÂU THÀNH  **Trường THCS BIÊN GIỚI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

*Câu 1:* :(2,0đ) Nêu tính chất vật lý, ứng dụng của Oxi?

*Câu 2:* :(2,0đ) *Thế nào là phản ứng hóa hợp? Viết phương trình phản ứng minh họa?*

*Câu 3* :(3,0 đ) Hoàn thành các sơ đồ phản ứng sau và chỉ ra các phản ứng hóa hợp, phản ứng phân hủy

a. H2 + O2 H2O

b. KClO3  KCl + O2

c/ CaO + H2O - - -> Ca(OH)2

d/ H2O - - -> H2 + O2

*Câu 4* :(1,0 đ) Em hãy nêu một số nguyên nhân có thể gây cháy, nổ đồng thời đưa ra biện pháp phòng cháy từ những nguyên nhân đó.

*Câu 5* :(2,0 đ) Đốt cháy Photpho trong bình chứa 5,6 lít khí Oxi (đkc), thu được điphotphopentaoxit( P­2­O­5­).

1. Tính khối lượng Oxit thu được sau phản ứng
2. Hãy Cho biết số mol của Photpho tham gia phản ứng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CÂU | ĐÁP ÁN | ĐIỂM |
| Câu 1: (2đ )  Câu 2: (2đ )  Câu 3: (3đ )  Câu 4: (1đ )  Câu 5 (2đ ) | \* Ứng dụng của Oxi:  - Dùng để hô hấp  - Dùng để đốt nhiên liệu  \* Tính chất vật lý:  Oxi là chất khí không màu, không mùi, không vị, ít tan trong nước, nặng hơn không khí, Oxi lỏng có màu xanh nhạt.  - Phản ứng hóa hợp là phản ứng hóa học trong đó có một chất mới được tạo thành từ hai hay nhiều chất ban đầu.  VD: 2Zn + O2  2ZnO phản ứng hóa hợp  a. 2H2 + O2 ­2H2O phản ứng hóa hợp  b. 2KClO3  2 KCl + 3 O2 ­­ phân hủy  c/ CaO + H2O - - -> Ca(OH)2 phản ứng hóa hợp  d/ 2H2O - - -> 2H2 + O2 ­ phân hủy  Phân loại từng phản ứng hóa học :  \* Nguyên nhân có thể gây ra sự cháy, nổ:  - Chập điện  - Nổ bình ga  \* Biện pháp phòng ngừa sự cháy:  - Thường xuyên kiểm tra các thiết bị dùng điện, tắt hết các thiết bị điện khi ra khỏi nhà.  - Sử dụng bình ga đúng chất lượng, khóa ga sau khi sử dụng, không sang chiết ga tùy tiện....  Số mol Oxi = 5,6 : 22,4 = 0,25 mol  4P + 5 O2   2P­2­­­O­5  0,2 mol 0,25 mol 0,1mol  a. m P­2­­­O­5 = 0,1 . 142 = 14,2 g  b/ nP = 0,2 mol | 1đ  1đ  1đ  1đ  0,5đ  0,5đ  0,5đ  0,5đ  1đ  0,5đ  0,5đ  0,5đ  0,5đ  0,5đ    0,5đ |

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2016-2017**

**Môn: Hoá học 8**

(Thời gian làm bài: 45 phút)

**I.Trắc nghiệm (3 điểm):**

***Hãy khoanh tròn vào câu trả lời đúng:***

**Câu 1:** Chất nào sau đây có thể tác dụng với oxi để tạo thành oxit bazơ?

A. P B. S C. Fe D. Si

**Câu 2:** Có các chất sau đây, dãy các chất nào sau đây gồm toàn các chất là oxit axit?

A. SO3, P2O5, Fe2O3, CO2. B. SO3, P2O5, CO2.

C. SO3, P2O5, Fe2O3, SiO2. D. SO3, P2O5, CuO, CO2

**Câu 3:** Cặp chất nào sau đây có thể dùng để điều chế hiđro trong phòng thí nghiệm?

A. Fe và H2O. B. S và O2. C. KCl và O2 D. Zn và dung dịch HCl.

**Câu 4:** Nhóm các chất nào sau đây đều là axit?

A. HCl, HNO3, KOH, KCl. B. HNO3, CO2, H2SO4, NaOH.

C. HCl, HNO3, H2SO4. D. HCl, HNO3, H2SO4, NaCl.

**Câu 5**. Trong 800ml của một dung dịch cú chứa 0,2 mol NaOH. Nồng độ mol dung dịch này là:

A. 0,25M. ; B. 0,025M. C. 2,5M. ; D. 25M.

**Câu 6:** Trong các chất sau chất nào được dùng để điều chế oxi trong phòng thí nghiệm?

A. Không khí B. KMnO4 C. Nước D. KOH

**II. Tự luận(7 điểm):**

**Câu 7 (2,5 điểm)** : Hoàn thành sơ đồ phản ứng sau:

a) CaO + H2O ---->

b) Na + H2O ---->

c) Zn + HCl ---->

d) H2 + CuO ---->

c) CaCO3 ---->

**Cõu 8** **(1,5 điểm)** : Nhận biết các chất rắn màu trắng sau đựng trong các lọ mất nhãn: Na2O; P2O5; NaCl

**Cõu 9(3 điểm)** :Cho 12.4 g Natri oxit tác dụng với nước thu được 250 ml dung dịch natrihiđroxit.

a. Viết phương trình hóa học cho phản ứng xảy ra?

b. Tính nồng độ mol của dung dịch thu được?

c. Tính thể tích khí CO2 (đktc) cần dùng để phản ứng hết với dung dịch trên tạo ra muối axit?

*Cho biết: Na= 23; O= 16; H =1; C= 12;; Fe =56; Cl= 35,5*.

\

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: hãa häc 8**

**®¸p ¸n**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. Trắc nghiệm**  **Câu 1**  **Câu 2**  **Câu 3**  **Câu 4**  Câu 5  Câu 6  **II. Tự luận**  **Câu 7 (2,5 điểm )** :  **Câu 8 ( 1,5điểm )**  **Câu 9 (3điểm )** | C  B.  D.  C  A  C  **Đáp án:**  a. CaO + H2O Ca(OH)2  b. 2Na + 2H2O 2NaOH + H2  c. Zn + 2HCl ZnCl2 + H2  d. H2 + CuO Cu + H2O  Ca e. CaCO3 CaO + CO2  - Nhận biết được mỗi chất  + Cho cả ba chất vào nước khuấy nhẹ: dùng giấy quỳ để thử  + Chất nào làm giấy quỳ chuyển màu xanh là Na2O; chất nào làm giấy quỳ chuyển màu đỏ là P2O5; chất còn lại NaCl  + Viết được 2 phương trình  **Đáp án:**  a. Na2O + H2O 2NaOH  nNa2O = 12,4 /62 = 0,2 mol  b. Theo phương trình nNaOH = 2nNa2O = 0,2 . 2= 0,4 mol  Nång ®é mol cña dung dÞch lµ: 0,4 / 0,25 = 1,6 M  c. Theo đầu phương trình: nCO2  = nNaOH  = 0,4 mol  VCO2  = 0,4 . 22.4 = 8,96 lít | 0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,25  0,75  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5 |

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II HÓA LỚP 8**

**Câu 1:** *(2,5 điểm)*

a.Nêu tính chất vật lí và tính chất hoá học của oxi.

b. Trong phòng thí nghiệm khí oxi được điều chế và thu bằng cách nào? Viết phương trình hóa học minh họa.

**Câu 2:** *(1,5 điểm)*

Hoàn thành các phương trình hóa học sau: (ghi rõ điều kiện của phản ứng)

a. CuO + .............  Cu + H2O

b. ............... + H2O  H2SO4

c. K2O + ..............  2KOH

d. 2H2O** ............. + O2

e. 2H2 + ...............  2H2O

f. 2Na + 2H2O  .............. + H2

**Câu 3:** *(2 điểm)*

a. Hoà tan 10 gam đường vào 40 gam nước. Tính nồng độ phần trăm của dung dịch.

b. Trong 200 ml dung dịch có hoà tan 20 gam NaOH. Tính nồng độ mol của dung dịch.

**Câu 4:** *(3 điểm)*

Cho 5,4 gam nhôm phản ứng hoàn toàn với dung dịch axit clohiđric. Phản ứng xảy ra theo sơ đồ sau:

Al + HCl AlCl3  + H2

a. Lập phương trình hóa học

b. Tính thể tích khí hiđro thu được ở đktc.

c. Tính khối lượng muối AlCl3 tạo thành.

**Câu 5:** *(1 điểm)*

Giải thích vì sao sự cháy trong không khí xảy ra chậm hơn và tạo ra nhiệt độ thấp hơn so với sự cháy trong khí oxi?

***(Cho: H = 1; Cl= 35,5; O = 16; Al= 27; Na=23)***

**ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu | Đáp án | Biểu điểm |
| 1 | a. \*Tính chất vật lí của oxi:  - Oxi là chất khí không màu, không mùi, ít tan trong nước, nặng hơn không khí  - Hóa lỏng ở - 1830C, oxi lỏng có màu xanh nhạt  \* Tính chất hóa học của oxi:  - Tác dụng với phi kim  - Tác dụng với kim loại  - Tác dụng với hợp chất  b.  - Trong phòng thí nghiệm khí oxi được điều chế bằng cách đun nóng những hợp chất giàu oxi và dễ bị nhiệt phân hủy ở nhiệt độ cao.  - Cách thu: đẩy không khí và đẩy nước.  - PTHH: 2KMnO4  K2MnO4 + MnO2 + O2  ( Hs có thể viết PTHH khác) | 0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm  0,5 điểm  0,25 điểm  0,5 điểm |
| 2 | a. CuO + H2  Cu + H2O  b. SO3 + H2O  H2SO4  c. K2O + H2O  2KOH  d. 2H2O2H2 + O2  e. 2H2 + O2  2H2O  f. 2Na + 2H2O  2NaOH + H2 | 0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm |
| 3 | a. Khối lượng dung dịch đường:  10 + 40 = 50 (g)  Nồng độ phần trăm của dung dịch đường:  C%đường = 10 x 100% : 50 = 20%  b. - Số mol NaOH:  20 : 40 = 0,5 (mol)  - Nồng độ mol của dung dịch NaOH :  CM = 0,5/0,2= 2,5M | 0,5 điểm  0,5 điểm  0,5 điểm    0,5 điểm |
| 4 | a. Phương trình hóa học:  2Al + 6HCl 2AlCl3  + 3H2  2 mol 2 mol 3 mol  0,2 mol 0,2 mol 0,3 mol  Số mol của nhôm là:  nAl = m : M = 5,4 : 27 = 0,2 mol  b. Thể tích khí hiđro là: VH2 = n.22,4  = 0,3.22,4 = 6,72 (lít)  c. Khối lượng nhôm clorua tạo thành là:  mnhôm clorua = n.M = 0,2.133,5 = 26,7(gam) | 0,5 điểm  1 điểm  0,5 điểm  0,5 điểm  0,5 điểm |
| 5 | Sự cháy trong không khí xảy ra chậm hơn và tạo ra nhiệt độ thấp hơn so với sự cháy trong khí oxi vì:  - Trong không khí thể tích khí nitơ gấp 4 lần thể tích khí oxi nên diện tích tiếp xúc của chất cháy với các phân tử oxi ít hơn nhiều lần nên sự cháy diễn ra chậm hơn.  - Một phần nhiệt tiêu hao để đốt nóng khí nitơ nên nhiệt độ đạt được thấp hơn. | 0,5 điểm  0,5 điểm |

**PHÒNG GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HỌC KỲ II**

**HUYỆN BÙ ĐĂNG**  **Năm học 2016 – 2017**

**Môn: Hóa Học – Lớp 9**

**ĐỀ CHÍNH THỨC**

**Thời gian: 45 phút** (Không kể thời gian phát đề)

**I .PHẦN TRẮC NGHIỆM**  *(3 điểm*)

**Lựa chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào một trong các chữ A, B, C hoặc D trong các câu sau:**

**1.** Một hợp chất hữu cơ A có chứa: 54,5%C, 9,1%H còn lại là oxi và MA = 88 đvC . Vậy A là

A. C2H4O2. B. C2H6O. C. C3H6O. D. C4H8O2.

**2** **.** Hợp chất X là chất rắn, tan trong nước, có phản ứng tráng gương. X có công thức là

A. C12H22O11 B. CaCO3 C. (C17H35COO)3C3H5 D. C6H12O6

**3.** Để phân biệt 3 dung dịch: glucozơ, rượu etylic, axit axetic ta có thể dùng

A. Quỳ tím và natri B. Kẽm và dung dịch AgNO3/NH3

C. Quỳ tím và dung dịch AgNO3/NH3 D. Tất cả đều được.

**4.** Trong nhóm các hiđrocacbon sau, nhóm hiđrocacbon nào có phản ứng đặc trưng là phản ứng cộng ?

A. C2H4 , CH4 B. C2H4 , C6H6. C. C2H4 , C2H2 D. CH4 , C6H6

**5.** Hợp chất hữu cơ X làm cho quỳ tím chuyển sang màu đỏ, tác dụng được với một số kim loại, oxit bazơ, bazơ, muối cacbonat, X có chứa nhóm :

A. −CH=O B. −OH C. −COOH D. −CH3

**6.** Chất béo........tan trong nước nhưng.........trong benzen , dầu hỏa.

**II. TỰ LUẬN** *(7 điểm)*

**Câu 1:** *(2 điểm)* Hoàn thành dãy chuyển đổi hóa học sau ( ghi rõ điều kiện nếu có ):

(−C6H10O5 −) n  C6H12O6  C2H5OH  CH3COOH  CH3COOC2H5

**Câu 2 :** (*2 điểm)* Nêu phương pháp hóa học để nhận biết các chất sau ( viết phương trình xảy ra nếu có) : C2H5OH, CH3COOH , C2H4 , (−C6H10O5−)n

**Câu 2:** *(3 điểm)* Đốt cháy hoàn toàn 0,9 gam chất hữu cơ A thu được 1,32 gam khí CO2 và 0,54 gam H2O. Biết khối lượng mol của A gấp 3 lần khối lượng mol của axit axetic .

A. Xác định công thức phân tử của A ?

B. Tính khối lượng bạc kim loại sinh ra khi oxi hóa 18 gam A ?

*...................Giáo viên coi thi không giải thích gì thêm....................*

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI HỌC KÌ II NĂM HỌC 2016 – 2017**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu | Nội dung hướng dẫn chấm | Điểm |
| **Trắc nghiệm**  (3 điểm) | Lựa chon đáp án đúng trong các câu: |  |
| 1. C | 0,5 điểm |
| 2. C | 0,5 điểm |
| 3. A,B,C | 0,5 điểm |
| 4. D | 0,5 điểm |
| 5. D | 0,5 điểm |
| 6. Không tan, tan | 0,5 điểm |
| **Tự luận**  (7 điểm) |  |  |
| Câu 1  (2 điểm) | *Viết đúng, cân bằng đúng, đủ điều kiện mỗi phương trình 0,5 điểm*  *( cân bằng hệ số sai hoặc thiếu điều kiện thì trừ 50% số điểm dành cho ý đó. Trong một phương trình nếu viết sai công thức hóa học thì phương trình đó không được tính điểm) .* | 2 điểm |
| Câu 2  (2điểm) | Nhận biết đúng từng chất, viết phương trình phản ứng đúng, mỗi chất 0,5 diểm | 2 điểm |
| Câu 3  (3điểm) | A. Lập đúng công thức của A là : C6H12O6  B.Viết đúng phương trình, tìm khối luợng Ag là 21,6 gam | 2 điểm  1 điểm |